

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26- 8-2020
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đồi

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Q 4, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Minh Tân, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy A, sinh năm 1992; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Q 4, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 6 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Bùi Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G và anh Phạm Duy A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn Q 4, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng cùng với gia đình nhà chồng. Chị G và anh Duy A chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm

2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Duy A vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù. Trong thời gian anh Duy A đi chấp hành hình phạt tù thì giữa chị G và gia đình nhà chồng xảy ra mâu thuẫn, chị G đã trao đổi lại với anh Duy A nhiều lần nhưng tình hình không được cải thiện mà ngày càng gay gắt. Do mâu thuẫn nên chị G đã bế con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian này hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Duy A.

Về con chung: Chị G khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quang Tuấn T sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014, hiện cháu T đang do chị G nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị G đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T vì cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, chị có công ăn việc làm ổn định có thể chăm lo cho con và chị cũng đã nuôi cháu từ năm 2016 cho đến nay. Mặt khác anh Duy A không có nghề nghiệp ổn định lại đang chăm sóc cháu Phạm Quang Thanh B sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 là con riêng của anh Duy A. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị G đề tự thỏa thuận với anh Duy A do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị G khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Duy A vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên anh cũng có lời khai tại Tòa án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân anh Duy A đồng ý với lời khai của chị G về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị G có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung anh Duy A khai hai vợ chồng có 01 con chung như chị G khai là đúng, trường hợp ly hôn anh đề nghị được nuôi con là cháu Phạm Quang Tuấn T.

Về tài sản chung: Anh Duy A khai vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị G và anh Phạm Duy A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị G được ly hôn anh Duy A. Về con chung, giao con là Phạm Quang Tuấn T cho chị G nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị G và anh Duy A tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung do chị G và anh Duy A tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Duy A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Duy A có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị Bùi Thị G có đơn xin ly hôn nhưng anh Duy A vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Phạm Duy A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị G và anh Phạm Duy A là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Duy A vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù. Trong thời gian anh Duy A đi chấp hành hình phạt tù thì giữa chị G và gia đình nhà chồng xảy ra mâu thuẫn, chị G đã trao đổi lại với anh Duy A nhưng tình hình không được cải thiện mà ngày càng gay gắt. Do mâu thuẫn nên chị G đã bế con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian này hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh Duy A phù hợp với lời khai của hai bên. Chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Duy A, anh Duy A cũng đồng ý ly hôn. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Duy A đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G xin ly hôn với anh Duy A.

[3] Về con chung: Chị G và anh Duy A có 01 con chung là Phạm Quang Tuấn T, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014. Trường hợp ly hôn chị G và anh Duy A đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị G đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn T, việc nuôi dưỡng cháu T đã ổn định về mọi mặt, cháu vẫn được chăm sóc tốt về sức khỏe và tinh thần đồng thời chị G xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện chị hiện đang có công việc có thu nhập ổn định và thời gian để có thể chăm lo cho con. Anh Duy A không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh có công việc và thu nhập ổn định và hiện anh Duy A hiện đang chăm sóc cháu Phạm Quang Thanh B sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 là

con riêng của anh Duy A. Như vậy xét về mọi mặt, chị G có điều kiện chăm sóc con chung đảm bảo hơn so với anh Duy A, cần chấp nhận đề nghị của chị G, giao con chung là cháu Phạm Quang Tuấn T cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị G đề nghị để tự thỏa thuận với anh Duy A nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị G và anh Duy A thống nhất khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị G được ly hôn anh Phạm Duy A.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Quang Tuấn T sinh ngày 19 tháng 6 năm 2014, cho chị Bùi Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Quang Tuấn T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0008902 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị G có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Duy A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ; huyện K (Số 111; quyền số 01/2013);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang